

Bản án số: 152/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 6 - 2020

V/v *Không công nhận vợ chồng*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ; 2. Ông Phạm Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17/3/2020 về không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Đ**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Ông **Vi Quốc Q**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải bà Đặng Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà tìm hiểu và lấy nhau không có đăng ký kết hôn do trước đây giữa bà và ông Q cũng đã có gia đình nhưng điều ly hôn và đồng cảm tìm hiểu nhau nên bà với ông Q về chung sống với nhau từ năm 1991 gia đình hai bên đều biết và tổ chức nhỏ trong gia đình nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng bà sống tại xóm 21, xã Lang Quán và làm ăn tại địa phương, cuộc sống hòa thuận, thỉnh thoảng có cãi nhau do chồng bà hay uống rượu về vợ chồng chửi nhau, bà không chịu được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn chung sống và quan tâm gì nữa, bà đi làm ăn xa tại Na Hang, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, do bà với ông Q lấy nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà với ông Q là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.
- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về vay nợ: Vợ chồng bà không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.
- * Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ông Vi Quốc Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước đây ông với bà Đ đều có gia đình và đã giải quyết ly hôn đến năm 1991 hoặc năm 1992 ông không nhớ cụ thể ông với bà Đ tìm hiểu và có báo cáo anh em gia đình làm mấy mâm cơm, sau đó ông với bà Đ về chung sống với nhau tại xóm 21, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ông sống hòa thuận, tốt đẹp đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Đ lại có quan hệ với người khác và bỏ đi từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau, và không còn tình cảm, nay bà Đ đề nghị không công nhận giữa ông với bà Đ là vợ chồng ông hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Ông với bà Đ chung sống với nhau không có con chung
- Tài sản chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về vay nợ: Vợ chồng ông không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ông Q vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ. Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị Đ và ông Vi Quốc Q.
- Bà Đặng Thị Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
- Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị Đ và ông Vi Quốc Q có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa bàn xã Lang Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Bà Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà với ông Q là vợ chồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải các bên đương sự đều đề nghị giải quyết không công nhận vợ chồng, về con chung không có, tài sản, vay nợ không đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ông Q đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Đ và ông Vi Quốc Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991. Tuy bà Đ và ông Q chung sống với nhau như vợ chồng trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương với anh em trong gia đình và trong quá trình chung sống có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên đến thời điểm Tòa án giải quyết ông bà đều xác nhận không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa bà Đặng Thị Đ và ông Vi Quốc Q mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do quá trình chung sống cuộc sống chung của ông bà thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, bà Đ cho rằng ông Q thường uống rượu gây mâu thuẫn gia đình và ông Q cho rằng bà Đ đã có người khác, nên giữa ông Q và bà Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay bà Đặng Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà Đ và ông Q là vợ chồng, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ông Q nhất trí không công nhận giữa ông với bà Đ là vợ chồng.

Xác minh tại UBND xã Lang Quán thể hiện: Qua kiểm tra và rà soát toàn bộ sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND xã Lang Quán thể hiện UBND xã không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn vào năm 1991 chỉ có lưu giữ sổ đăng ký kết hôn thời điểm từ năm 1998 trở lại đây và qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1998 đến nay thì trong sổ cũng không thể hiện có trường hợp nào có tên trong sổ đăng ký kết hôn mang tên vợ Đặng Thị Đ và tên chồng Vi Quốc Q, địa chỉ: xóm 21, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Vậy xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Đ và ông Q không có con chung với nhau.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông bà không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị Đ phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà Đ theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị Đ và ông Vi Quốc Q.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001512 ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Bà Đ đã nộp đủ án phí.

3. Bà Đặng Thị Đ và ông Vi Quốc Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (*Khi án có hiệu lực*)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (*nt*)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

